TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỦA CHÙA** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HSST
Ngày 17-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỦA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Anh Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Lý A Tùng và bà Phạm Thị Huế
- *Thư ký phiên tòa*: ông Nguyễn Trọng Thể – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa* ông Lò Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Chiều ngày 16 và sáng 17/8//2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2018/HSST ngày 06/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS ngày 03/8/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cứ A T** - tên gọi khác: không; Sinh ngày 07/7/1999 tại huyện M, tỉnh Điện Biên. Đăng ký HKTT và cư trú tại: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. Dân tộc: Mông; Nghề nghiệp: làm ruộng, nương; Trình độ văn hóa: 3/12. Con ông Cứ A D – SN 1978 và con bà Giàng Thị M – SN 1980 (đã chết). Vợ là Thào Thị S- SN 1996 và 01 con sinh năm 2017. Tiền sự: không; Tiền án: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 09/02/2018 đến nay. Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: ông Đỗ Xuân Toán – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Bị hại*: Thào Thị C – sinh ngày 15 tháng 12 năm 2000; trú tại: thôn Đ, xã MĐ, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt

Đại diện hợp pháp của bị hại : ông Thào A T - SN 1962; trú tại: thôn Đ, xã MĐ, huyện T, tỉnh Điện Biên, là bố đẻ của bị hại. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cứ A S - Sinh ngày 05/7/2002; trú tại: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt

+ ông Cứ A D- SN 1978; trú tại: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên- là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là Người đại diện hợp pháp của Cứ A S. Có mặt

+ ông Thào A T- SN 1962; trú tại: thôn Đ, xã MĐ, huyện T, tỉnh Điện Biên, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan , người Đại diện hợp pháp của bị hại ,

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thào Thị D. Có mặt

+ Giàng A D - SN 1990; trú tại: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt

+ Thào Thị D 1 (tên khác là Thào Thị D 2) - sinh ngày 11/4/2004; trú tại: thôn Đ, xã MĐ, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt

Người đại diện hợp pháp của Thào Thị D1: ông Thào A C- SN 1970; trú tại: thôn Đ, xã MĐ, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

+ Thào Thị D - sinh năm 2004; trú tại: thôn Đ, xã MĐ, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

+ Thào A K- SN 1990; trú tại: thôn Đ, xã MĐ, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt

+ Cứ A Ch- SN 1990; trú tại: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt

+ Cứ A S1- SN 1986; trú tại: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt

+ Cứ A K- SN 1999; trú tại: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt

+ Giàng A Ch- SN 1995; trú tại: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt

- *Người phiên dịch:* ông Giàng A Dè - SN 1985; trú tại: Tổ dân phố Thành Công, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên./ Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Cứ A T làm công nhân cho Công Ty TNHH H huyện T có quan hệ yêu đương với chị Thào Thị C trú tại thôn Đ, xã MĐ, huyện T từ tháng 10 năm 2017. Do có người em gái họ tên là Cháng Thị L (tên khác là Cháng Thị P) lấy chồng bên Trung Quốc, Tháng 01 năm 2018 Cháng Thị L gọi điện thoại cho bị cáo bảo có quen gái V iệt Nam thì lừa đưa sang Trung Quốc bán lấy tiền chia nhau, đến cuối tháng 01/2018 L tiếp tục gọi điện cho bị cáo hỏi có tìm được ai không, bị cáo trả lời là chưa tìm được , chỉ có một người tên là C ở thôn Đ là người yêu của bị cáo, L bảo bị cáo lừa C đưa sang Trung Quốc bán , bị cáo nói không biết đường đi, Lau đã chỉ dẫn cho bị cáo: "đi xe máy đến thị xã ML thì bắt xe khách từ ML đến LC, L sẽ hướng dẫn đường đi vào Trung Quốc".

Sáng ngày 30/01/2018, bị cáo gặp Cứ A S (là em trai bị cáo) và Giàng A D tại Bản L, xã H, huyện M, Bị cáo nói có Cháng Thị L ở bên Trung Quốc nói nếu lừa được gái Việt Nam đưa sang Trung Quốc bán thì được nhiều tiền, nghe vậy S và D cũng muốn tham gia với Bị cáo, vì trước đó S có tán tỉnh Thào Thị D và D có tán tỉnh Thào Thị D 1 cùng trú tại thôn Đ, xã MĐ. Ba người đã bàn nhau Bị cáo T lừa Thào Thị C, S lừa Thào Thị D và D lừa Thào Thị D1 đưa sang Trung Quốc để bán lấy tiền, nếu ai lừa bán chót lọt thì được hưởng một nửa số tiền bán được, số tiền còn lại chia đôi cho hai người còn lại.

Khoảng 15 giờ ngày 03/02/2018, T cùng S và D đi hai xe mô tô từ huyện M lên T với mục đích lừa C, D và D1 bán sang Trung Quốc. Khi đến nhà Thào Thị C ba người có gặp C , D và D 1. Đến 20 giờ cùng ngày anh trai Thào Thị C là

Thào A K do nghi ngờ Bị cáo đã có vợ rồi mà còn đến lừa tán tỉnh em gái, nên đã dùng xích và khóa để kh óa hai xe mô tô lại, mục đích để hôm sau gọi b ố mẹ Bị cáo lên hỏi làm rõ. Bị giữ xe và sợ bị phát hiện nên S và D từ bỏ ý định lừa bán D và D1 sang Trung Quốc; Đến khoảng 23 giờ cùng ngày D đưa D1 về nhà, còn Bị cáo và S ở lại nhà Thào Thị C. Khi S đã ngủ, Bị cáo bảo C cùng đi thị trấn T để bảo bố mẹ Bị cáo đến gặp bố mẹ C nói chuyện, C đồng ý và lấy xe mô tô của gia đình đưa cho bị cáo điều khiển, Bị cáo không đi vào thị trấn T mà đưa Thào Thị C đi xã N, huyện M hai người dừng ngủ lại, tại đây Bị cáo gọi điện cho Cháng Thị L nói đã lừa được Chu đến xã N rồi; Sáng ngày 04/02/2018 Bị cáo đưa C đến thị xã ML, tại đây B ị cáo nhận được điện thoại của Giàng A D nói Công an đã biết và đã thông báo chặn các hướng đường rồi nên hãy đưa C về nhà . Tại nhà nghỉ ở thị xã ML Bị cáo nói với C là có em gái bên Trung Quốc nên sẽ đưa C sang ở với em gái mấy hôm, khi nào bố mẹ Bị cáo cho phép lấy C làm vợ thì đưa về, nghe vậy C đồng ý. Đến 22 giờ ngày 05/02/2018 Công an thị xã ML kiểm tra hành chính tại nhà nghỉ, nghi ngờ Bị cáo có hành vi mua bán người nên đã đưa về trụ sở Công an và l ập hồ sơ chuyển giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Quá trình điều tra. Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ vật chứng gồm : 03 xe mô tô, 05 điện thoại di động, các giấy tờ liên quan gồm giấy phép lái xe, đăng ký xe mô tô, chứng minh thư, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh.

Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp các tài sản gồm : trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO(DETECH) biển kiểm soát 27B1-1815 cho ông Cứ A D; 01 xe mô tô SIRIUS, hiệu YAMAHA biển kiểm soát 27T1-039.04 cho cho ông Thào A T; 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, biển kiểm soát 27B1-524.80 cho anh Giàng A Ch; Trả cho Giàng A D 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 điện thoại di động hiệu Sam sung ; Trả cho Thào Thị D 01 điện thoại di động hiệu Masstel; trả cho Thào Thị D1 01 giấy khai sinh, 01 sổ hộ khẩu, 01 điện thoại di động hiệu Sam sung.

Bố đẻ bị cáo và bị hại , Đại diện hợp pháp của bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường dân sự với số tiền 7.000.000đ gồm tiền xăng xe , công đi tìm kiếm, tiền bồi thường danh dự cho bị hại và tiền sửa xe mô tô. Tại phiên tòa, Đại diện hợp pháp của Bị hại và bị hại không buộc bị cáo phải bồi thường thêm vấn đề gì.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 04/7/2018 của VKSND huyện T đã truy tố bị cáo Cứ A T về tội Mua bán người theo điểm c khoản 1 Điều 150 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội , cho rằng bị cáo do quan hệ yêu đương nên chỉ dẫn bị hại đi thị xã ML để chơi và mục đích bị cáo rủ bị hại đi trung Quốc là để đi chơi chứ không nhằm mục đích bán, các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra không bị ép cung hay bị dùng nhục hình mà do bị cáo sợ nên đã khai nhận tội như vậy, bị cáo cũng không tác động gia đình bồi thường mà do bố đẻ bị cáo tự bồi thường cho gia đình Thào Thị C.

Bị hại và những người tham gia tố tụng khác giữ nguyên ý kiến như lời khai tại cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND huyện đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 150; khoản 2 điều 51, điều 15, điều 57 của BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Cứ A T từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán người", không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về Bồi thường dân sự đề nghị công nhận sự thỏa thuận bồi thường của các bên và bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại . Đồng thời đề nghị HĐXX xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật và miễn án phí HSST cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa đề nghị xem xét động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo và làm rõ một số mâu thuẫn trong lời khai của bị hại về cuộc gọi điện của Bị cáo cho Cứ A K trong khi Bị hại chưa biết Cứ A K, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Cứ A D về việc bị cáo có tác động bồi thường hay không.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì sau khi nghe luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến gì khi nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thào Thị D, xét sự vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của BLTTHS năm 2015.

Tại phiên tòa, người bào chữa đề nghị xem xét động cơ, mục đích của bị cáo và các mâu thuẫn trong lời khai của bị hại , lời khai của ông Cứ A D với bị cáo; HĐXX thấy rằng, động cơ và mục đích của bị cáo khi đưa bị hại đi thị xã ML đã được chứng minh qua lời khai của người bị hại , của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa, phù hợp với diễn biến hành vi và các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra; Về lời khai của bị hại cũng đã được làm rõ tại phiên tòa qua lời trình bày của Cứ A K khẳng định sáng ngày 04/02/2018 bị cáo có gọi điện thoại cho Cứ A K; Đối với lời khai của ông Cứ A D, tại phiên tòa bị cáo không nhận tội và khẳng định từ khi bị tạm giam không gặp ông Cứ A D, ông D cũng thừa nhận chưa gặp bị cáo, như vậy việc bị cáo không tác động gia đình bồi thường theo lời khai của bị cáo là phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án: Qua lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Cứ A S, Giàng A D, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ được làm rõ tại phiên tòa đã xác định được:

Vì mục đích hám lợi , nên sau khi nghe điện thoại của Cháng Thị L về việc tìm kiếm phụ nữ Việt Nam đưa sang Trung Quốc bán lấy tiền sử dụng cho mục

đích cá nhân, lợi dụng sự cả tin của bị hại về việc Bị cáo đến tìm hiểu và hứa lấy về làm vợ, trong khi bị cáo đã có vợ con . Ngày 03/02/2018 Bị cáo đã đến nhà bị hại với mục đích để đưa sang Trung Quốc bán , sau khi người nhà bị hại khóa xe không cho đi do nghi ngờ bị cáo đã có vợ, bị cáo tiếp tục có lời nói lừa dối bị hại là đưa về nhà bố mẹ để bị cáo, nhưng thực chất bị cáo đưa bị hại đi thị xã ML và bảo bị hại đi cùng sang Trung Quốc với mục đích để bán.

Tuy bị cáo không thừa nhận việc lừa bị hại đi Trung Quốc nhằm đưa đến chỗ Cháng Thị L để bán, nhưng tại phiên tòa những người có nghĩa vụ liên quan Cứ A S (là em trai ruột bị cáo) và Giàng A D đều khẳng định ba người đã bàn nhau về việc lừa Thào Thị C, Thào Thị D, Thào Thị D1 để đưa sang Trung Quốc bán lấy tiền khi cùng chơi C ù tại Bản L, xã H; Ngày 03/02/2018 mục đích ba người đi thôn Đ, xã MĐ là để lừa đưa đi Trung Quốc và bị cáo có nói ai lừa được thì cứ đưa đi trước. Tuy nhiên, sau khi anh trai bị hại khóa hai xe mô tô lại, Cứ A S và Giàng A D đã sợ bị phát hiện và từ bỏ ý định . S vẫn khẳng định tại phiên tòa, tối ngày 03/02/2018 bị cáo có nói với S sẽ đưa C đi Trung Quốc bán, nếu đưa được đi thì S và D bỏ chạy không lấy xe nữa ; sau khi bị cáo đưa bị hại đi , ngày 05/02/2018 Giàng A D gọi điện cho bị cáo nói Công an đã biết và chặn các đường rồi, bị cáo đưa C về đi; Lời khai của Cứ A S, Giàng A D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra.

Mặt khác, bị cáo vẫn giữ nguyên ý định đưa bị hại sang Trung Quốc để bán kể cả khi anh trai bị hại khóa xe mô tô lại, thể hiện ở việc bị cáo tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối nói bố mẹ ở thị trấn T và đưa bị hại về nhà bố mẹ để xin ý kiến , nhưng bị cáo đưa bị hại đi thị xã ML, tại đây bị cáo có liên lạc với Cháng Thị L, và nói với bị hại bố mẹ bị cáo chưa đồng ý nên hai người đi sang Trung Quốc ở với em gái bị cáo bên Trung Quốc một thời gian, mặc dù bị cáo chưa sang Trung Quốc lần nào, không biết Cháng Thị L ở địa chỉ nào, hiện đang làm gì, cùng với việc ngày 04/02/2018 khi đi đến thị xã ML bị cáo có 900.000đ nhưng vẫn gọi điện cho Cứ A K bảo mang tiền lên và mang xe máy của gia đình bị hại về , thể hiện bị cáo vẫn giữ nguyên ý định đưa Bị hại sang Trung Quốc.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận Bị cáo Cứ A T đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm mục đích đưa bị hại sang Trung Quốc để bán lấy tiền. Tuy hành vi phạm tội của bị cáo chưa thực hiện xong, nhưng đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán người, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 150 của BLHS năm 2015. Do đó Cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo thấy rằng: Bị cáo thực hiện hành vi một mình, không có người giúp sức, xúi giục; Mục đích bị cáo lừa bị hại để đưa sang Trung Quốc để bán lấy tiền sử dụng cho mục đích cá nhân . Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền tự do thân thể , xâm phạm danh dự , nhân phẩm của công dân , coi người phụ nữ như hàng hóa để trao đổi, mua bán kiếm tiền, thu lợi bất chính, gây hoang mang bất bình trong nhân dân . Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo chưa thực hiện hoàn thành đến cùng đã bị cơ quan công an phát hiện khi đang trên đường đi , do đó cần xem xét áp dụng tình tiết "phạm tội chưa đạt" theo điều 15 và điều 57 của BLHS cho bị cáo.

Đối với Cứ A S và Giàng A D là những người tuy có bàn bạc cùng bị cáo về

việc lừa phụ nữ đưa sang Trung Quốc, tuy nhiên việc thực hiện của mỗi người là độc lập và hai người đã từ bỏ ý định sau khi anh trai của bị hại giữ xe mô tô nên thuộc trường hợp "tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội" . Giàng A D không biết việc Bị cáo vẫn cố tình đưa bị hại sang Trung quốc và Cứ A S là em trai của Bị cáo, nên hành vi của hai người chưa cấu thành tội "không tố giác tội phạm". Do đó Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện không đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự đối với Cứ A S và Giàng A D là phù hợp. Đối với Cháng Thị L hiện đang ở Trung Quốc, quá trình điều tra không xác định được địa chỉ nên cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự , do đó HĐXX không đề cập giải quyết. Về hành vi của Bị cáo lấy 900.000đ của Cứ A S qua điều tra xác định Bị cáo chưa bị xử lý hành chính , chưa bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, nên Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý hành chính là phù hợp.

[5] Xét về năng lực chịu trách nhiệm hình sự và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo Cứ A T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần phải xử lý nghiêm minh nhằm giáo dục ngăn ngừa tội phạm và bảo đảm trật tự, kỷ cương xã hội.

Bị cáo chưa có tiền án, chưa có tiền sự, Bị cáo không có sự tác động nhưng gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường 7.000.000đ cho bị hại, nên hậu quả của tội phạm đã được khắc phục, cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 51 của BLHS cho bị cáo.

[6] *Về hình phạt bổ sung* : Xét bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn , thu nhập chủ yếu từ làm ruộng nương, gia đình thuộc diện hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Trách nhiệm bồi thường dân sự:* Gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho Bị hại 7.000.000đ gồm tiền bồi thường danh dự, công tìm kiếm, sửa xe mô tô (Biên bản thỏa thuận và Biên bản giao nhận tiền ngày 05/8/2018 giữa bố đẻ Bị cáo và bị hại , đại diện hợp pháp của bị hại), tại phiên tòa bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm vấn đề gì , do đó HĐXX cần công nhận Bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại.

[8] *Về xử lý Vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra:*

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp gồm : trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 27T1-1815 cho ông Cứ A D; 01 xe mô tô biển kiểm soát 27T1-039.04 cho cho ông Thào A T; 01 xe mô tô biển kiểm soát 27B1-524.80 cho ông Giàng A Ch; Trả cho Giàng A D 01 đăng ký xe mô tô , 01 giấy chứng minh thư nhân dân , 01 giấy phép lái xe , 01 điện thoại di động hiệu Sam sung ; Trả cho Thào Thị D 01 điện thoại do động hiệu Masstel; trả cho Thào Thị D1 01 giấy khai sinh, 01 sổ hộ khẩu, 01 điện thoại di động hiệu Sam sung. HĐXX thấy việc xử lý vật chứng của Cơ quan Điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

- Đối với các vật chứng còn lại cơ quan Thi hành án dân sự đang quản lý:

+ 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu FPT , 01 Giấy khai sinh của bị hại Thào Thị C, cần trả lại cho bị hại.

+ 01 điện thoại di động màu trắng nhãn hiệu Iphone thu giữ của bị cáo , quá trình điều tra đã làm rõ bị cáo sử dụng để liên lạc , trao đổi với Cháng Thị L để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu bán đấu giá sung quỹ nhà nước.

+ 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Cứ A T cần trả lại cho bị cáo.

[9] *Về án phí :* Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn , nên cần miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Cứ A T phạm tội: Mua bán người

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 150; khoản 2 Điều 51; điều 15, điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Cứ A T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/02/2018.

2/ Trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng điều 48 của BLHS năm 2015; Điều 584, khoản 1 điều 585 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Công nhận sự thỏa thuận của các bên về bồi thường thiệt hại, bị cáo phải bồi thường 7.000.000đ cho bị hại và gia đình bị hại, bị cáo đã bồi thường xong.

3/ Xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 của BLHS, khoản 2, khoản 3 điều 106 của BLTTHS năm 2015

- Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T: trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO (DETECH) biển kiểm soát 27B1-1815 cho ông Cứ A D; 01 xe mô tô SIRIUS, hiệu YAMAHA biển kiểm soát 27T1-039.04 cho cho ông Thào A T; 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO , biển kiểm soát 27B1-524.80 cho anh Giàng A Ch; Trả cho Giàng A D 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 điện thoại di động hiệu Sam sung; Trả cho Thào Thị D 01 điện thoại do động hiệu Masstel ; trả cho Thào Thị D1 01 giấy khai sinh, 01 sổ hộ khẩu, 01 điện thoại di động hiệu Sam sung.

- Trả lại cho bị hại Thào Thị C : 01 điện thoại di động màu đen , nhãn hiệu FPT; 01 Giấy khai sinh mang tên Thào Thị C.

- Trả lại cho bị cáo: 01 Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Cứ A T

- Tịch thu sung quỹ nhà nước : 01 điện thoại di động màu trắng , nhãn hiệu Iphone thu giữ của bị cáo.

Các vật chứng cơ quan Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra, TAND huyện và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

4. Về án phí:

Áp dụng điều 136 của BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo.

5. Kháng cáo:

Bị cáo, Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.\

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- CQĐT, bộ phận HSNV- CA huyện
- CCTHADS huyện T;
- CQTHAHS - C.A huyện T;
- CQTHAHS - C.A tỉnh ĐB;
- Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo, Người bào chữa;
- Bị hại, Người ĐDHP của bị hại.
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA, HSTHA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trương Anh Tuấn